

IMPROVING THE EFFICIENCY OF SPECIFIC POLICY IMPLEMENTATION FOR SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN ETHNIC MINORITY AND MOUNTAINOUS AREAS

Nguyen Van Thang

Thu Dau Mot University

Email: thangnguyen58@gmail.com

Received: 18/8/2023; Reviewed: 29/8/2023; Revised: 04/9/2023; Accepted: 08/9/2023; Released: 30/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/nctd/213>

Planning and implementing specific policies for socio-economic development in ethnic minority and mountainous areas is an objective requirement stemming from the difficult natural and socio-economic conditions of this area and the country's development requirements. Over the past time, to support the development of ethnic minorities and mountainous areas, the Party and State have issued and organized the implementation of many specific policies, suitable to actual conditions. The article focuses on clarifying the Party's policy, the practice of promulgating and organizing the implementation of specific policies for socio-economic development in ethnic minority and mountainous areas, thereby proposing some solutions to improve the effectiveness of implementing this policy.

Keywords: *Ethnic policies; Specific policies; Socio-economy; Ethnic minority and mountainous areas.*

1. Đặt vấn đề

Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) chiếm 3/4 diện tích của cả nước, là nơi sinh sống lâu đời của phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Nơi đây có tiềm năng phong phú, đa dạng, là “phên dậu”, “cái nôi” của căn cứ địa cách mạng, có vị trí chiến lược trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực có điều kiện tự nhiên khó khăn nhất, địa hình phức tạp, bị chia cắt, dân cư sống thưa thớt, không tập trung, sinh kế còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao nhất cả nước. Do vậy, trong suốt quá trình cách mạng, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chính sách đặc thù nhằm phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào, từng bước đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, đồng bào các DTTS nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn không bị bỏ lại phía sau mà hòa nhịp cùng với sự phát triển của toàn dân tộc.

2. Tổng quan nghiên cứu

Đến nay, có nhiều công trình khoa học đã đề cập đến các vấn đề lý luận và thực tiễn về chính sách dân tộc (CSDT), chính sách phát triển KT-XH vùng DTTS&MN, trong đó tiêu biểu là các công trình như: Phan Văn Hùng (2015), “*Những vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và định hướng hoàn thiện chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*”; Bé Trường

Thành (2015), “*Nghiên cứu cơ sở khoa học đổi mới chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020*”; Trần Trung, Nguyễn Hồng Hải (2016), “*Nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa IX) về Công tác dân tộc (CTDT)*”; Hoàng Phương (2022), “*Đổi mới công tác xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc*”; Nguyễn Duy Dũng, Hà Trọng Nghĩa, “*Đồng hành cùng sự phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong bối cảnh hiện nay*”, Tạp chí điện tử Mặt trận, ngày 13/4/2022;... Các công trình khoa học đã đề cập đến việc ban hành và tổ chức thực hiện CSDT, chính sách phát triển KT-XH ở vùng DTTS&MN. Nhiều công trình đã nghiên cứu thực tiễn thực hiện chính sách, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp thực hiện quan điểm, CSDT của Đảng, Nhà nước. Tuy nhiên, chưa có công trình nào hệ thống hóa, khái quát hóa toàn diện về việc ban hành và tổ chức thực hiện chính sách đặc thù phát triển KT-XH ở vùng DTTS&MN.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp, tập trung vào các Văn kiện đại hội Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội; nghị quyết, báo cáo của Chính phủ... và các công trình khoa học có liên quan. Trên cơ sở phân tích tài liệu, tổng hợp, khái quát hóa,

hệ thống hóa để làm rõ thực tiễn xây dựng và thực hiện chính sách đặc thù phát triển KT-XH vùng DTTS&MN, từ đó đề xuất nội dung giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách này trong điều kiện mới.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Chủ trương của Đảng về xây dựng và thực hiện chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Những năm qua, Đảng, Nhà nước ta luôn chú trọng đến tính đặc thù của vùng có đông đồng bào DTTS trong xây dựng và tổ chức thực hiện CSDT. Từ những năm đầu thời kỳ đổi mới, Nghị quyết số 22/NQ-TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị khóa VI về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển KT-XH miền núi, trong đó xác định: “trọng tâm là phát triển KT-XH, gắn với thực hiện tốt CSDT của Đảng. Quan tâm đúng mức đến việc giải quyết các vấn đề xã hội, cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân” (Hội đồng Dân tộc của Quốc hội Khóa X, 2000, tr.181). Tại Đại hội VII (tháng 6/1991), Đảng ta chủ trương “Có chính sách phát triển kinh tế hàng hóa ở các vùng DTTS phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng vùng, từng dân tộc, bảo đảm cho đồng bào các DTTS khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013, tr.204). Nghị quyết về CTDT được ban hành tại Hội nghị lần thứ bảy khóa IX (2003) đã chính thức đề ra quan điểm: Ưu tiên đầu tư phát triển KT-XH các vùng DTTS&MN, trong đó nhấn mạnh: “tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003, tr.35).

Bên cạnh ưu tiên phát triển, Đảng xác định cần chú ý phát huy nội lực của đồng bào, coi trọng phát huy nội lực kết hợp chặt chẽ với sự hỗ trợ giúp đỡ của Nhà nước và các địa phương để hết sức tránh tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước và dân tộc đa số. Đảng chủ trương, phải quán triệt phương châm “Trung ương và địa phương cùng làm, Nhà nước và nhân dân cùng làm”; “Nhà nước cần cố gắng bố trí vốn đầu tư thích đáng cho miền núi” (Hội đồng Dân tộc của Quốc hội Khóa X, 2000, tr.180). Đến Đại hội XI, Đảng ta chủ trương: “Các chính sách phát triển KT-XH phải phù hợp với đặc thù của các vùng dân tộc, nhất là DTTS”, nhằm “tạo điều kiện

phát triển nhanh hơn các khu vực còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ và phía Tây các tỉnh miền Trung” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.81, 119). Mặc dù, tình hình có nhiều biến động, khó khăn nhưng để đẩy mạnh tốc độ phát triển KT-XH vùng DTTS&MN, Đại hội XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh quan điểm ưu tiên phát triển vùng DTTS về nhiều mặt, tập trung hỗ trợ các loại hàng hóa và dịch vụ cho người nghèo, đồng bào DTTS; quan tâm phát triển giáo dục, dạy nghề trong các DTTS; tập trung giải quyết tình trạng du canh du cư và di cư tự do; có chính sách đặc thù để giảm nghèo nhanh hơn trong đồng bào DTTS (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.300).

Cùng với các chủ trương chung đối với vùng DTTS&MN, Đảng ta đã xác định các chủ trương về dân tộc, CTDT đối với một số vùng DTTS như Thông tri số 03/TT-TW, ngày 17/10/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI “về công tác ở vùng đồng bào Chăm”; Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 18/4/1991 của Ban Bí thư khóa VII “về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer; Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 23/9/1994 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII “về một số công tác ở vùng dân tộc Mông”; Chỉ thị số 62-CT/TW ngày 08/11/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII “về việc tăng cường công tác người Hoa trong tình hình mới; Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư khóa XII “về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới”... Các chỉ thị này đã định hướng những chính sách đặc thù để phát triển KT-XH đối với một số DTTS đặc thù ở nước ta.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Đại hội XIII của Đảng đã tiếp tục khẳng định chủ trương: “Chú trọng tính đặc thù của từng vùng đồng bào DTTS trong hoạch định và tổ chức thực hiện CSDT” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1, tr.170). So với các đại hội trước, tại Đại hội lần này Đảng ta đã xem xét tính đặc thù của chính sách trong tổng thể điều kiện tự nhiên, KT-XH của vùng, tức là, những vùng DTTS khác nhau được hưởng lợi từ các chính sách đặc thù khác nhau và các DTTS trên cùng một vùng thì được hưởng chính sách như nhau. Theo đó, những khu vực khó khăn hơn sẽ nhận được những ưu đãi đặc biệt hơn để khu vực này nhanh chóng theo kịp trình độ phát triển chung của cả nước.

4.2. Thực tiễn xây dựng và thực hiện chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Triển khai thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước đã ban hành và tổ chức nhiều

chính sách phù hợp với đặc thù địa bàn và đối tượng thụ hưởng. Tính đến tháng 10/2020, có 118 chính sách đang có hiệu lực triển khai thực hiện ở vùng DTTS&MN, trong đó có 54 chính sách trực tiếp cho đồng bào DTTS, vùng DTTS&MN, 64 chính sách chung có ưu tiên cho đồng bào DTTS. Những năm gần đây, nhiều chính sách quan trọng đã được ban hành và thực hiện như: Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù phát triển KT-XH vùng DTTS&MN giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển KT-XH các DTTS rất ít người giai đoạn 2016-2025; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt “Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2030”; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về phê duyệt “Chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030”; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/2/2020 về việc Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt “Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030”... Theo đó, đồng bào vùng DTTS&MN trở thành đối tượng thụ hưởng của nhiều chính sách riêng với những ưu tiên, ưu đãi để phát triển KT-XH. Hàng loạt chính sách được ban hành và tổ chức thực hiện như chính sách ưu tiên nguồn lực để giảm nghèo cho các xã đặc biệt khó khăn, huyện nghèo; tín dụng ưu đãi để đồng bào vay vốn phát triển sản xuất; đầu tư hạ tầng KT-XH cho các xã, thôn, bản vùng DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn; ưu tiên phát triển giáo dục - đào tạo, nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ người DTTS; truyền thông và tuyên truyền vận động, phổ biến giáo dục pháp luật; chính sách; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của các DTTS; hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DTTS&MN; chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS... Nhà nước đã ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DTTS&MN, giai đoạn 2011-2015 là 690.000 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 là 998.000 tỷ đồng (Hoàng Phương, 2022).

Quá trình thực hiện đã góp phần làm cho vùng DTTS&MN có những chuyển biến quan trọng trong phát triển KT-XH. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng DTTS&MN bình quân đạt 7%/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, bình quân giảm 4%/năm; riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm trên 4%/năm; các huyện nghèo giảm 5-6%/năm (Hoàng Phương, 2022). Kết cấu hạ tầng KT-XH và đời sống đồng bào được cải thiện rõ rệt. Mật độ dân trí được nâng lên, văn hóa

phát triển phong phú hơn, thụ hưởng văn hóa của đồng bào được nâng cao một bước; văn hóa truyền thống của các dân tộc được tôn trọng, giữ gìn và phát huy. Các loại bệnh dịch cơ bản được ngăn chặn và đẩy lùi; việc khám, chữa bệnh cho người nghèo vùng sâu, vùng xa được quan tâm hơn. Giải quyết cơ bản vấn đề thiếu đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS; chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện rõ rệt, đồng bào đã từng bước tiếp cận những thành tựu của khoa học kỹ thuật; nhiều tiêu cực xã hội được đẩy lùi, tình hình chính trị, xã hội ổn định, khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố và tăng cường; quốc phòng an ninh bảo đảm, độc lập và chủ quyền quốc gia được giữ vững.

Tuy nhiên, đến nay phần lớn các chính sách vẫn chủ yếu là hỗ trợ, chưa ưu tiên tập trung đầu tư phát triển KT-XH; các chính sách trong “Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030” mới đang được triển khai bước đầu, đã ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển KT-XH ở vùng DTTS&MN. Việc thể chế hóa, cụ thể hóa và công tác chỉ đạo điều hành và triển khai thực hiện chính sách của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn có những chậm trễ, hạn chế, hoặc nhận thức chưa đầy đủ, đồng bộ, hành động thiếu kịp thời và chưa quyết liệt. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến vùng DTTS&MN thực hiện chưa thường xuyên, hiệu quả. Nhiều chương trình, dự án nhưng thiếu nguồn lực hoặc nguồn lực phân tán, rải rác, không kịp thời nên dẫn đến hiệu quả sử dụng nguồn vốn còn thấp. Do đó, đến nay vùng DTTS&MN đang tồn tại “5 nhất” (Điều kiện tự nhiên khó khăn nhất; KT-XH chậm phát triển nhất, chất lượng nguồn nhân lực thấp nhất; tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản thấp nhất; tỷ lệ hộ nghèo cao nhất, giảm nghèo thiếu bền vững). Khoảng cách chênh lệch còn lớn so với các vùng miền khác trong cả nước; kết quả tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DTTS&MN thời gian qua chỉ mới giải quyết nhu cầu cho một bộ phận hộ đồng bào DTTS nghèo. Đời sống đồng bào vùng DTTS&MN vẫn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo vẫn còn rất cao; hộ nghèo dần chỉ còn là hộ người DTTS; chất lượng giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực còn thấp; năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ người DTTS ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu; an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội ở một số nơi còn tiềm ẩn phức tạp.

5. Thảo luận

Để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách đặc

thù phát triển KT-XH vùng DTTS&MN, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, nâng cao nhận thức về chính sách đặc thù phát triển KT-XH vùng DTTS&MN. Chính sách đặc thù phát triển KT-XH vùng DTTS&MN là một bộ phận của chính sách quốc gia nhằm phát triển, khai thác tiềm năng, thế mạnh, truyền thống của vùng DTTS&MN trong quan hệ hữu cơ với các vùng khác, hướng tới phát triển đất nước trong tổng thể. Chính sách này có nội dung toàn diện, đề cập đến mọi lĩnh vực của đời sống dân tộc từ kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, truyền thống của mỗi địa phương, mỗi DTTS. Do đó, cần sử dụng các hình thức, phương pháp tuyên truyền với sự tham gia mọi lực lượng, mọi phương tiện để tạo chuyển biến về nhận thức của mọi tổ chức, mọi lực lượng. Đổi mới nội dung tuyên truyền, tập trung tuyên truyền chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ chính sách và tổ chức thực hiện chính sách. Kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền miệng với phổ biến trong các cuộc họp, tiếp xúc với dân, dùng loa phát thanh ở các cụm dân cư, biểu diễn văn nghệ, chiếu phim. Tăng cường các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn, tập huấn, sinh hoạt học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, Nhà nước trong các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể xã hội... nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và tổ chức thực hiện chính sách.

Hai là, tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện chính sách đặc thù phát triển KT-XH vùng DTTS&MN. Tích hợp chính sách đồng bộ, thống nhất, “Quan tâm phát triển vùng đồng bào DTTS, vùng đặc biệt khó khăn; tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1, tr.263). Tập trung đầu tư phát triển KT-XH ở địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, ở cộng đồng các DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn, “Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng và thể chế điều phối phát triển kinh tế vùng đủ mạnh; quan tâm hơn đến vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng biên giới, miền núi, vùng đồng bào DTTS” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1, tr.251-252). Cần “có những chính sách đặc thù giải quyết khó khăn cho đồng bào DTTS” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1, tr.50), nhất là giải quyết tình trạng nghèo đa chiều ở vùng DTTS&MN, đổi mới chính sách theo hướng tăng chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ có điều kiện, đầu tư cơ sở hạ tầng cho cộng đồng; giảm giảm nghèo với các chính sách về dân số, kế hoạch hóa gia đình, văn hóa, giáo dục, y tế...; tạo cơ hội cho người dân

tiếp cận các nguồn lực, phát huy tinh thần tự lực tự cường và quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển dần nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn gắn với thị trường, nâng cao giá trị cho sản phẩm, phát triển các vùng chuyên canh có năng suất, chất lượng cao; nhân rộng các mô hình hiệu quả, tạo sản phẩm đặc sản, độc đáo, giá trị cao phù hợp với tiềm năng, thế mạnh từng vùng. Xây dựng cơ chế, chính sách và ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH vùng DTTS&MN, nhất là các tuyến đường giao thông, các công trình nước sinh hoạt, chợ, trường học, điện lưới, trạm y tế và nhà văn hóa. Phát triển hạ tầng truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải được các dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của đồng bào.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực, “Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù chăm lo giáo dục - đào tạo, y tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào DTTS nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Triển khai các chương trình, dự án phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1, tr.252). Chú trọng đầu tư và khai thác các giá trị văn hoá truyền thống của các DTTS gắn với phát triển du lịch. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực về văn hoá, xã hội, nâng cao chất lượng công tác giáo dục – đào tạo, tạo chuyển biến có tính đột phá trong đào tạo nhân lực DTTS. Tiếp tục chất lượng y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo tồn và phát huy có hiệu quả các giá trị văn hoá truyền thống, kiên quyết xoá bỏ các hủ tục lạc hậu và sớm chấm dứt tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

Ba là, huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng có đồng bào DTTS. Nguồn lực đầu tư là vấn đề quan trọng hàng đầu để tạo nên sự chuyển biến căn bản, toàn diện ở vùng DTTS&MN. Đảng đã xác định: “Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo sự chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng có đồng bào DTTS” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1, tr.170). Đầu tư cho vùng DTTS&MN là đầu tư cho phát triển đất nước và yêu cầu cao của công cuộc phát triển vùng DTTS&MN. Cần huy động nguồn lực đầu tư của nhà nước và ngoài nhà nước, cộng đồng, cá nhân và doanh nghiệp, trong nước và ngoài nước, trong đó nguồn lực nhà nước là quan trọng và có ý nghĩa quyết định. Thu hút đầu

tư trực tiếp phát triển KT-XH vùng DTTS&MN có khả năng thu hồi vốn theo hình thức riêng lẻ hoặc liên doanh, liên kết thông qua các hình thức như BOT, BTO, BT, PPP...; các chương trình, dự án của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài như FDI, ODA; NGO... nhằm giải quyết khó khăn về cơ sở vật chất, đời sống của người dân, phục vụ công cuộc phát triển KT-XH, giảm nghèo bền vững ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa. Huy động nguồn vốn xã hội hoá từ cộng đồng dân cư, gồm các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án cụ thể và các khoản viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế thì cần ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho địa bàn đặc biệt khó khăn, nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù của vùng DTTS&MN. Huy động, lồng ghép, sử dụng và quản lý chặt chẽ các nguồn lực để thực hiện tốt các chính sách đặc thù, các chương trình phát triển KT-XH ở các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, biên giới. Phải lấy mục tiêu tạo sự chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng DTTS&MN là thước đo việc huy động, phân bổ, sử dụng và quản lý các nguồn lực đầu tư.

Ba là, phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong thực hiện chính sách đặc thù phát triển KT-XH vùng DTTS&MN. Thu gọn đầu mối quản lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng; phát huy vai trò, chức năng của cơ quan CTDT. Tập trung “Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng DTTS” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1, tr.170), coi trọng đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ người DTTS. Chú trọng vai trò của Mặt trận, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, tận dụng khả năng, kinh nghiệm của người có uy tín trong cộng đồng, của những người có học thức, của bộ đội biên phòng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, trước hết các chi bộ thôn, bản trong thực hiện các chính sách. Cùng với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực cho đội ngũ cán bộ ở cơ sở, cần có chính sách đãi ngộ, những hoạt động khích lệ, cổ vũ nêu gương, xây dựng những mẫu hình cán bộ biết hy sinh, tận tụy cho sự nghiệp thực hiện CSDT của Đảng và Nhà nước.

Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về CTDT. Đổi mới phương thức xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách đối với vùng DTTS&MN, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới. Xem xét, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của cơ quan làm CTDT theo hướng làm đầu mối chủ trì, phối hợp theo dõi, đánh giá, thẩm định chính sách, dự án đầu tư, thực hiện ở vùng DTTS&MN đảm

bảo sự phù hợp với đặc điểm sinh kế, văn hóa và cuộc sống của đồng bào; kiểm tra, giám sát các bộ, ngành và địa phương thực hiện CSDT. Tăng cường bố trí, sử dụng cán bộ có đủ năng lực, trình độ làm CTDT ở các ngành, các cấp. Có chính sách luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để cán bộ làm CTDT.

Bốn là, phát huy vai trò của người dân, của từng cộng đồng DTTS trong chính sách đặc thù phát triển KT-XH vùng DTTS&MN. Điểm quan trọng, mấu chốt của CSDT ở nước ta là tạo cơ hội, tạo điều kiện cùng với hỗ trợ các nguồn lực để các DTTS chủ động tự phát triển, hòa nhập vào sự phát triển chung của cả cộng đồng quốc gia-dân tộc. Do đó, cần “Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các DTTS phát triển KT-XH, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1, tr.170), thúc đẩy tính tích cực, ý thức tự lực, tự cường của đồng bào DTTS trên mọi phương diện của đời sống xã hội, trong đó tập trung trong phát triển KT-XH, giảm nghèo đa chiều, bền vững. Muốn vậy, cần làm cho đồng bào nhận thức rõ quyền lợi, sứ mệnh của mình trong hiện thực hóa chính sách; đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đề cao và tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào tham gia quản lý, giám sát, kiểm tra, thực hiện quyền dân chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Chú trọng hơn nữa đến việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực trẻ người DTTS. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng, tổ chức thực hiện các mô hình thử nghiệm để đồng bào tin tưởng và thực hiện theo; gắn kết chặt chẽ giữa giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống với phát triển KT-XH, xoá đói giảm nghèo

6. Kết luận

Chính sách đặc thù phát triển KT-XH vùng DTTS&MN vừa thể hiện những giá trị nhân văn, nhân bản cao cả, vừa mang những giá trị chính trị pháp quyền, có tác động toàn diện đến mọi lĩnh vực của đời sống đồng bào DTTS, do đó cần phải được đánh giá đúng, nhận thức sâu sắc; từ đó góp phần đưa chính sách vào cuộc sống. Trước thời cơ và những thách thức mới, việc nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách đặc thù ở vùng DTTS&MN là một trong những nhiệm vụ quan trọng, hết sức cấp bách. Vì vậy, cần tiến hành đồng thời nhiều giải pháp, với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, của mọi người dân, sự chung tay giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là sự phấn đấu vươn lên của cộng đồng các DTTS, từng bước hiện thực hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Tài liệu tham khảo

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1987). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003). *Văn kiện Hội nghị Trung ương 7 Khóa IX về Công tác dân tộc*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VIII, VIII, IX, X, XI)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII - Tập 1*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

Dũng, N. D., & Nghĩa, H. T. (2022, 13/4). Đồng hành cùng sự phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí điện tử Mặt trận*.

Hội đồng Dân tộc của Quốc hội Khóa X. (2000). *Chính sách và Pháp luật của Đảng, Nhà nước về dân tộc*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.

Phuong, H. (2022). Đổi mới công tác xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. *Dangcongsan.vn*.

Thành, B. T. (2015). *Nghiên cứu cơ sở khoa học đổi mới chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020*. Viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc.

Trung, T., & Hải, N. H. (2016). *Nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa IX) về Công tác dân tộc*. Đề tài cấp Bộ. Học viện Dân tộc, Hà Nội.

Ủy ban Dân tộc. (2013). *Báo cáo kết quả rà soát chính sách dân tộc giai đoạn 2006-2012 và đề xuất chính sách giai đoạn 2013-2015, định hướng đến 2020*. Đề tài khoa học cấp Bộ.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Nguyễn Văn Thắng

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: thangnguyen58@gmail.com

Nhận bài: 18/8/2023; Phản biện: 29/8/2023; Tác giả sửa: 04/9/2023; Duyệt đăng: 08/9/2023; Phát hành: 30/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/213>

Hoạch định và thực hiện chính sách đặc thù nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi là đòi hỏi khách quan xuất phát từ điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn của khu vực này và yêu cầu phát triển đất nước. Thời gian qua, để hỗ trợ đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi phát triển, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chính sách đặc thù, phù hợp với điều kiện thực tế. Bài viết tập trung làm rõ chủ trương của Đảng, thực tiễn ban hành và tổ chức thực hiện chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, từ đó đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách này.

Từ khóa: Chính sách dân tộc; Chính sách đặc thù; Kinh tế - xã hội; Vùng dân tộc thiểu số và miền núi.